

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Cập nhật đến ngày 31.05.2023

STT	Họ và tên đệm	Tên	Chứng chỉ hành nghề Môi Giới		Chứng chỉ hành nghề Phân tích		Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ	
			Số Chứng chỉ MG	Ngày cấp	Số chứng chỉ PT	Ngày cấp	Số chứng chỉ QU	Ngày cấp
1	Nguyễn Tuấn	Anh			002690	15/05/2023		
2	Dương Thanh Hà	Anh	006390	03/03/2020				
3	Đào Việt	Anh					001389	16/03/2016
4	Nguyễn Quỳnh	Anh	005094	07/06/2019				
5	Nguyễn Việt	Anh			01168	29/07/2009		
6	Lê Thanh	Bình	004829	24/01/2019				
7	Nguyễn Thành	Công			00090	10/03/2009		
8	Trịnh Hùng	Cường	01153	12/10/2009			001042	27/11/2013
9	Chu Xuân	Cường	006918	27/09/2022				
10	Nguyễn Nhật	Cường					001328	19/10/2015
11	Huỳnh Thị Anh	Đào	00975	29/07/2009				
12	Phạm Tuấn	Đạt	002767	28/08/2014				
13	Phan Thị Ngọc	Diệp	005200	04/09/2019				
14	Phan Minh	Đức			001418	05/10/2009		
15	Dương Bá	Dũng	001776	05/07/2011				
16	Nguyễn Thị	Hà	00668	17/04/2009				
17	Lương Thị Thu	Hà	007327	24/04/2023				
18	Phạm Duyên	Hải	01154	12/10/2009				
19	Tổng Hoàng	Hải	006970	01/12/2022				
20	Võ An	Hải			01379	29/09/2009	001376	03/02/2016
21	Đặng Anh	Hào			002602	23/06/2022		
22	Nguyễn Thị Thu	Hiền	001627	21/03/2011	002319	16/09/2016		
23	Nguyễn Thị Thu	Hiền			00790	20/04/2009	001284	10/08/2015
24	Lê Thị Thanh	Hiền	004671	14/11/2018				

STT	Họ và tên đệm	Tên	Chứng chỉ hành nghề Môi Giới		Chứng chỉ hành nghề Phân tích		Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ	
			Số Chứng chỉ MG	Ngày cấp	Số chứng chỉ PT	Ngày cấp	Số chứng chỉ QU	Ngày cấp
25	Phạm Ngọc	Hiệp					001391	16/03/2016
26	Đào Huy	Hoàng	004473	13/06/2018				
27	Nguyễn Minh	Hoàng	002690	22/07/2014				
28	Hà Ngọc	Hùng			00780	20/04/2009		
29	Lâm Thị Thu	Hường			00774	20/04/2009		
30	Vũ Thị	Lệ	002612	04/04/2014				
31	Tổng Nhật	Lệ	003603	20/05/2016				
32	Nguyễn Thị Hồng	Liên	002619	18/04/2014	002281	15/04/2016		
33	Nguyễn Hoàng	Liên					001652	12/02/2018
34	Nguyễn Tùng	Linh			002661	27/03/2023		
35	Nguyễn Thị Thùy	Linh			01311	28/08/2009		
36	Hoàng Thị Thùy	Linh					001301	28/08/2015
37	Chu Thị Khánh	Loan			001416	05/10/2009		
38	Phạm Thị Thanh	Mai	002342	19/06/2013				
39	Vũ Đức	Mạnh					000716	26/10/2010
40	Bùi Diệu Hằng	Nga	004832	24/01/2019				
41	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt			00784	20/04/2009		
42	Lê Thị Hồng	Nhung			00775	20/04/2009		
43	Phạm Thị Quỳnh	Nương	01190	05/11/2009				
44	Vũ Lan	Phương	004216	02/11/2017				
45	Trịnh Thị Thu	Phương	01152	12/10/2009			001114	04/06/2014
46	Nguyễn Bích	Phượng			7/20/1902	06/05/2009		
47	Trương Thị Thanh	Sang	004662	02/11/2018				
48	Phan Trường	Sinh			002691	15/05/2023		
49	Trần Thị Ngọc	Tài			000376	14/04/2022	000060	5/7/2022
50	Thái Thị Minh	Tâm			00776	20/04/2009		
51	Huỳnh Thị	Tâm	00667	17/04/2009	01159	29/07/2009		
52	Đặng Thị	Thắm			002365	23/02/2017		
53	Dương Đình	Thắng			00797	20/04/2009	001636	25/12/2017
54	Trần Hoài	Thanh	002633	16/05/2014				
55	Võ Thị Thái	Thanh			001415	05/10/2009		

07 -
ÔNG T
Đ PHẢ
IG KH
IN HẢ
3 THU
ỆT NA
UNG

STT	Họ và tên đệm	Tên	Chứng chỉ hành nghề Môi Giới		Chứng chỉ hành nghề Phân tích		Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ	
			Số Chứng chỉ MG	Ngày cấp	Số chứng chỉ PT	Ngày cấp	Số chứng chỉ QU	Ngày cấp
56	Nguyễn Thị Minh	Thảo			00789	20/04/2009		
57	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	006605	21/08/2020				
58	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	002344	19/06/2013	002278	13/04/2016		
59	Lê Diệu	Thúy	003812	12/12/2016				
60	Nguyễn Thị Phương	Tính			00802	20/04/2009		
61	Nguyễn Việt	Trung	002399	22/07/2013				
62	Đào Tuấn	Trung					001619	06/11/2017
63	Đặng Đình	Tú	001628	21/03/2011				
64	Lê Thanh	Tùng	002609	04/04/2014	002186	21/07/2015		
65	Lưu Thị	Tuyền			00108	11/03/2009		
66	Đỗ Ánh	Tuyết	01170	26/10/2009				
67	Hoàng Thị Mai	Ước			002445	23/07/2018		
68	Vũ Thị Hải	Vân			00785	20/04/2009	001333	19/10/2015
69	Trần Thị	Vi	001629	21/03/2011	002223	28/10/2015		
70	Nguyễn Thị	Vi	006713	12/11/2020				
71	Dương Thị	Vinh	004685	28/11/2018				
72	Nguyễn Yên	Vy			01253	05/08/2009		
73	Trần Thị	Xuân	001743	05/07/2011				

